

Số: /PA-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 02 năm 2024

PHƯƠNG ÁN

Sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2025

Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 12/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025; Công điện số: 557/CD-TTg ngày 18/6/2023, 616/CD-TTg ngày 04/7/2023, 771/CD-TTg ngày 29/8/2023 và 972/CD-TTg ngày 17/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, giai đoạn 2023-2025; Nghị quyết số 938/NQ-UBTVQH15 ngày 13/12/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập thị xã Việt Yên và các phường thuộc thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

UBND tỉnh Bắc Giang xây dựng Phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025, như sau:

Phần I

HIỆN TRẠNG ĐVHC CỦA TỈNH BẮC GIANG

I. HIỆN TRẠNG ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH BẮC GIANG

1. Tỉnh Bắc Giang:

- Diện tích tự nhiên: 3.895,9 km².
- Quy mô dân số: 2.072.091 người.

2. Số lượng ĐVHC cấp huyện:

- Số lượng ĐVHC cấp huyện 10 (01 thành phố, 01 thị xã, 08 huyện).
- Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp: Không.
- Số lượng ĐVHC cấp huyện thực hiện sắp xếp: 04 (01 thành phố; 03 huyện).

3. Số lượng ĐVHC cấp xã:

- Số lượng ĐVHC cấp xã: 209 (chia ra: 19 phường, 15 thị trấn, 175 xã).
- Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp: 32 (chia ra: 03 phường, 01 thị trấn, 28 xã).

3.3. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên chưa thực hiện sắp xếp: 08 (chia ra: 01 thị trấn, 07 xã).

3.4. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp: 08 (chia ra: 01 phường, 01 thị trấn, 06 xã).

3.5. Số lượng ĐVHC cấp xã liên kê có điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính: Không.

II. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP HUYỆN THỰC HIỆN SẮP XẾP LẠI

1. Huyện Sơn Động

1.1. Thuộc vùng miền: Miền núi; có yếu tố đặc thù: Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo.

1.2. Diện tích tự nhiên: 860,56 km², tỷ lệ 101,24%.

1.3. Quy mô dân số: 88.969 người, tỷ lệ 278,03%.

1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 50.712 người, tỷ lệ 57,0%.

1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Các chính sách của huyện nghèo miền núi.

1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kê: huyện Lục Ngạn, Lục Nam.

2. Huyện Lục Ngạn

2.1. Thuộc vùng miền: Miền núi; có yếu tố đặc thù: Không.

2.2. Diện tích tự nhiên: 1.032,51 km², tỷ lệ 121,47%.

2.3. Quy mô dân số: 253.082 người, tỷ lệ 703,01%.

2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 115.758 người, tỷ lệ 45,74%.

2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kê: huyện Sơn Động, Lục Nam.

3. Huyện Yên Dũng

3.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

3.2. Diện tích tự nhiên: 191,74 km², tỷ lệ 42,6%.

3.3. Quy mô dân số: 177.443 người, tỷ lệ 147,87%.

3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.172 người, tỷ lệ 0,66%.

3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kê: thành phố Bắc Giang, Lục Nam, Lạng Giang, Việt Yên.

4. Thành phố Bắc Giang

4.1. Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

4.2. Diện tích tự nhiên: 66,55 km², tỷ lệ 44,36%.

4.3. Quy mô dân số: 195.657 người, tỷ lệ 130,44%.

4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.777 người, tỷ lệ 1,42%.

4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kê: Việt Yên, Tân Yên, Lạng Giang, Yên Dũng.

III. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp: 24 đơn vị (21 xã, 03 phường), gồm:

1.1. Xã Vũ Xá, huyện Lục Nam

- a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
- b) Diện tích tự nhiên: 10,24 km², tỷ lệ 34,13%.
- c) Quy mô dân số: 4.447 người, tỷ lệ 55,59 %.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 30 người, tỷ lệ 0,67%.
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Cẩm Lý, Đan Hội, Bắc Lũng.

1.2. Xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang

- a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Có đồng bào sinh hoạt công giáo (tỷ lệ 17,9%).
- b) Diện tích tự nhiên: 5,99 km², tỷ lệ 19,97%.
- c) Quy mô dân số: 7.836 người, tỷ lệ 97,95%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 72 người, tỷ lệ 0,92%.
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Dương Đức, Tiên Lục.

1.3. Xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang

- a) Thuộc vùng miền: Miền núi; có yếu tố đặc thù: Không.
- b) Diện tích tự nhiên: 7,21 km², tỷ lệ 14,42%.
- c) Quy mô dân số: 8.051 người, tỷ lệ 161,02%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 460 người, tỷ lệ 5,71%.
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Tân Hưng, Hương Lạc, Xương Lâm, Tân Thanh và thị trấn Vôi.

1.4. Xã Đồng Kỳ, huyện Yên Thế

- a) Thuộc vùng miền: Miền núi; có yếu tố đặc thù: Không.
- b) Diện tích tự nhiên: 7,29 km², tỷ lệ 14,58%.
- c) Quy mô dân số: 6.464 người, tỷ lệ 129,28%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.051 người, tỷ lệ 16,3%.
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (gồm 10 dự án).
- e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Đồng Tâm, Hồng Kỳ, Hương Vĩ, Đồng Hưu, Tân Sỏi và thị trấn Bồ Hạ.

1.5. Xã Tam Hiệp, huyện Yên Thế

- a) Thuộc vùng miền: Miền núi; có yếu tố đặc thù: Không.
- b) Diện tích tự nhiên: 8,58 km², tỷ lệ 17,16%.

c) Quy mô dân số: 4.154 người, tỷ lệ 184,62%.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.948 người, tỷ lệ 46,9%.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ (gồm 10 dự án).

e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề gồm: Các xã: Tam Tiên, Đồng Tâm, Tân Hiệp, Tiến Thắng và thị trấn Phồn Xương.

1.6. Xã Tân Hiệp, huyện Yên Thế

a) Thuộc khu vực: Miền núi; có yếu tố đặc thù: Không.

b) Diện tích tự nhiên: 7,66 km², tỷ lệ 15,32%.

c) Quy mô dân số: 4.602 người, tỷ lệ 92,04%.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.087 người, tỷ lệ 23,6%.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ (gồm 10 dự án).

e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã An Thượng, Tam Hiệp, Tiến Thắng và thị trấn Phồn Xương.

1.7. Xã Đại Hóa, huyện Tân Yên

a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

b) Diện tích tự nhiên: 5,02 km², tỷ lệ 16,73%.

c) Quy mô dân số: 5.113 người, tỷ lệ 63,91%.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số: Không.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Phúc Sơn, Lan Giới, Quang Tiến, Lam Cốt.

1.8. Xã Quang Tiến, huyện Tân Yên

a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

b) Diện tích tự nhiên: 5,81 km², tỷ lệ 19,37%.

c) Quy mô dân số: 5.880 người, tỷ lệ 73,5%.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 272 người, tỷ lệ 4,63%.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Đại Hóa, Lan Giới, An Dương, Lam Cốt và thị trấn Nhã Nam.

1.9. Xã Lan Giới, huyện Tân Yên

a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

b) Diện tích tự nhiên: 5,63 km², tỷ lệ 18,77%.

c) Quy mô dân số: 4.190 người, tỷ lệ 52,38%.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 179 người, tỷ lệ 4,27%.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Quang Tiến, Đại hóa và thị trấn Nhã Nam.

1.10. Xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên

- a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
- b) Diện tích tự nhiên: 5,76 km², tỷ lệ 19,20%.
- c) Quy mô dân số: 6.272 người, tỷ lệ 78,4%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 222 người, tỷ lệ 3,54%.
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Lam Cốt, Đại Hóa.

1.11. Xã Hoàng Lương, huyện Hiệp Hòa

- a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
- b) Diện tích tự nhiên: 4,37 km², tỷ lệ 14,57%.
- c) Quy mô dân số: 7.380 người, tỷ lệ 92,25%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 115 người; chiếm tỷ lệ 1,56%
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: xã An toàn khu II.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Hoàng Thanh, Ngọc Sơn, Hoàng An, Thanh Vân.

1.12. Xã Hoàng Thanh, huyện Hiệp Hòa

- a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
- b) Diện tích tự nhiên: 5,14 km², tỷ lệ 17,13%.
- c) Quy mô dân số: 6.601 người, tỷ lệ 82,51%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 52 người; chiếm tỷ lệ 0,78%.
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: xã An toàn khu II.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Ngọc Sơn, Hoàng Lương.

1.13. Xã Đồng Tân, huyện Hiệp Hòa

- a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
- b) Diện tích tự nhiên: 3,74 km², tỷ lệ 12,47%.
- c) Quy mô dân số: 4.099 người, tỷ lệ 51,24%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 86 người; chiếm tỷ lệ 2,10%.
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: xã An toàn khu II.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Thanh Vân.

1.14. Xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa

- a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
- b) Diện tích tự nhiên: 4,18 km², tỷ lệ 13,93%.
- c) Quy mô dân số: 6.376 người, tỷ lệ 79,70%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 85 người; chiếm tỷ lệ 1,33%.
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: xã An toàn khu II.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã Hoàng Lương, Hoàng An, Hoàng Vân, Đồng Tân.

1.15. Xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa

- a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
- b) Diện tích tự nhiên: 5,91 km², tỷ lệ 19,70%.
- c) Quy mô dân số: 8.126 người, tỷ lệ 101,58%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 57 người; chiếm tỷ lệ 0,7%
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: xã An toàn khu II.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Ngọc Sơn, Hoàng Vân, Thanh Vân, Hoàng Lương và thị trấn Thắng.

1.16. Xã Quang Minh, huyện Hiệp Hòa

- a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
- b) Diện tích tự nhiên: 5,07 km², tỷ lệ 16,90%.
- c) Quy mô dân số: 5.820 người, tỷ lệ 72,75%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 50 người, tỷ lệ 0,86%.
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: xã An toàn khu II.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Hòa Sơn, Hùng Sơn, Mai Trung, Đại Thành, Hợp Thịnh.

1.17. Xã Đại Thành, huyện Hiệp Hòa

- a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
- b) Diện tích tự nhiên: 3,0 km², tỷ lệ 10,0%.
- c) Quy mô dân số: 4.994 người, tỷ lệ 62,43%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: không.
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: xã An toàn khu II.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Quang Minh, Hợp Thịnh.

1.18. Xã Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa

- a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
- b) Diện tích tự nhiên: 4,39 km², tỷ lệ 14,63%.
- c) Quy mô dân số: 5.159 người, tỷ lệ 64,49%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 65 người, tỷ lệ 1,26%
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: xã An toàn khu II.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Thái Sơn, Hòa Sơn, Quang Minh, Hợp Thịnh, Mai Trung và thị trấn Thắng.

1.19. Xã Thái Sơn, huyện Hiệp Hòa

- a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
- b) Diện tích tự nhiên: 4,56 km², tỷ lệ 15,20%.
- c) Quy mô dân số: 6.427 người, tỷ lệ 80,34%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 51 người, tỷ lệ 0,79%.
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: xã An toàn khu II.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Hoàng Vân, Hùng Sơn, Hòa Sơn và thị trấn Thắng.

1.20. Xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa

- a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
- b) Diện tích tự nhiên: 4,95 km², tỷ lệ 16,50%.
- c) Quy mô dân số: 6.979 người, tỷ lệ 87,24%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 58 người, tỷ lệ 0,83%.
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: xã An toàn khu II.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liên kết: Các xã: Thái Sơn, Hùng Sơn, Quang Minh.

1.21. Xã Lão Hộ, huyện Yên Dũng

- a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
- b) Diện tích tự nhiên: 4,60 km², tỷ lệ 15,33%.
- c) Quy mô dân số: 3.998 người, tỷ lệ 49,98%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: Không.
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: không.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liên kết: Xã Quỳnh Sơn và thị trấn Tân An.

1.22. Phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang

- a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
- b) Diện tích tự nhiên: 0,91 km², tỷ lệ 16,55%.
- c) Quy mô dân số: 11.411 người, tỷ lệ 163,01%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: Không.
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liên kết: Các phường: Trần Phú, Hoàng Văn Thụ, Mỹ Độ và xã Tân Tiến.

1.23. Phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang

- a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
- b) Diện tích tự nhiên: 0,98 km², tỷ lệ 17,82%.
- c) Quy mô dân số: 10.103 người, tỷ lệ 144,33%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: Không.
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liên kết: Các phường: Lê Lợi, Ngô Quyền, Hoàng Văn Thụ, Thọ Xương, Trần Nguyên Hãn.

1.24. Phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang

- a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
- b) Diện tích tự nhiên: 0,87 km², tỷ lệ 15,82%.
- c) Quy mô dân số: 12.150 người, tỷ lệ 173,57%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: Không.
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liên kết: Các phường: Ngô Quyền, Thọ Xương, Trần Phú.

2. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp: 08 đơn vị (chia ra: 01 phường, 01 thị trấn, 06 xã), gồm:

2.1. Phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang

- a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
- b) Diện tích tự nhiên: 1,15 km², tỷ lệ 20,91%.
- c) Quy mô dân số: 14.229 người, tỷ lệ 203,27%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: Không.
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các phường: Trần Nguyên Hãn, Xương Giang, Hoàng Văn Thụ, Thọ Xương, Trần Phú.

2.2. Thị trấn Tân An, huyện Yên Dũng

- a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
- b) Diện tích tự nhiên: 9,22 km², tỷ lệ 65,86%.
- c) Quy mô dân số: 12.384 người, tỷ lệ 154,80%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: Không.
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Lão Hộ, Quỳnh Sơn, Xuân Phú, Hương Gián.

2.3. Xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang

- a) Thuộc vùng miền: Miền núi; có yếu tố đặc thù: Không.
- b) Diện tích tự nhiên: 11,66 km², tỷ lệ 23,32%.
- c) Quy mô dân số: 10.587 người, tỷ lệ 211,74%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.497 người; chiếm tỷ 14,14%.
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Yên Mỹ, Tân Thanh, Tiên Lục, An Hà, Hương Sơn và thị trấn Kép.

2.4. Xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang

- a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Có đồng bào sinh hoạt công giáo (tỷ lệ 12,8%).
- b) Diện tích tự nhiên: 14,54 km², tỷ lệ 48,47%.
- c) Quy mô dân số: 14.525 người, tỷ lệ 181,56%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 120 người, tỷ lệ 0,83%.
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Hương Lạc, Tân Thanh, Dương Đức, Đào Mỹ, An Hà.

2.5. Xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa

- a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
- b) Diện tích tự nhiên: 6,68 km², tỷ lệ 22,27%.
- c) Quy mô dân số: 6.713 người, tỷ lệ 83,91%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 0 người.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Hoàng An, Thanh Vân, Thái Sơn và thị trấn Thăng.

2.6. Xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam

a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

b) Diện tích tự nhiên: 27,82 km², tỷ lệ 92,73%.

c) Quy mô dân số: 9.916 người, tỷ lệ 123,95%.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 234 người, tỷ lệ 2,36%.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Vũ Xã, Đan Hội, Bắc Lũng.

2.7. Xã Hồng Kỳ, huyện Yên Thế

a) Thuộc vùng miền: Miền núi; có yếu tố đặc thù: Không.

b) Diện tích tự nhiên: 8,98 km², tỷ lệ 17,96%.

c) Quy mô dân số: 4.794 người, tỷ lệ 383,52%.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 4.087 người, tỷ lệ 85,25%.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Đồng Kỳ, Đồng Hưu, Hương Vĩ, Đồng Tâm, Đồng Vương.

2.8. Xã Lam Cốt, huyện Tân Yên

a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.

b) Diện tích tự nhiên: 9,15 km², tỷ lệ 30,50%.

c) Quy mô dân số: 8.712 người, tỷ lệ 108,90%.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số: Không.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Các xã: Phúc Sơn, Đại Hóa, Quang Tiến, An Dương, Ngọc Châu, Song Vân, Việt Ngọc.

3. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: 08 đơn vị (chia ra: 01 thị trấn, 07 xã), gồm:

3.1. Xã Vân Hà, thị xã Việt Yên

a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù:

+ Có yếu tố đặc thù theo điểm d khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15: Xã Vân Hà được quy hoạch phát triển trở thành phường giai đoạn đến năm 2030 tại Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 19/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045: "... Khu vực nội thị: Đến năm 2030 thành lập thành phố Việt Yên trực thuộc tỉnh Bắc Giang, khu vực nội thị bao gồm các phường thuộc thị xã Việt Yên và bổ sung các đơn vị hành chính gồm: Việt Tiến, Tiên Sơn, Vân Hà. Diện tích 10.612 ha, chiếm 62,1%...".

+ Có yếu tố đặc thù theo điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15: Xã Vân Hà có địa hình là một đèo đất nhô cao ở ngoài đê

và nằm trong lòng Sông Cầu; hằng năm về mùa mưa lũ thường xuyên bị chia cắt hoàn toàn với các địa phương khác bởi dòng sông Cầu, khó kết nối giao thông thuận lợi với các đơn vị hành chính liền kề và khu vực lân cận.

Với các yếu tố đặc thù nêu trên, UBND tỉnh Bắc Giang chưa thực hiện phương án sắp xếp đối với xã Vân Hà, thị xã Việt Yên trong giai đoạn 2023-2025.

- b) Diện tích tự nhiên: 2,95 km², tỷ lệ 9,83%.
- c) Quy mô dân số: 8.876 người, tỷ lệ 110,95%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 50 người; chiếm tỷ lệ 0,56%.
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Tiên Sơn; thành phố Bắc Ninh.

3.2. Xã Trường Giang, huyện Lục Nam

a) Thuộc vùng miền: Miền núi; có yếu tố đặc thù: Xã Trường Giang, huyện Lục Nam: Trước cách mạng tháng 8/1945, Trường Giang thuộc Tổng Mỹ Lương, huyện Lục Ngạn, do yếu tố biệt lập, giao thông đi lại rất khó khăn nên năm 1958, xã Trường Giang được chuyển về huyện Lục Nam quản lý. Vị trí địa lý của xã Trường Giang nằm trên đèo đất phù sa bồi đắp trong lòng sông Lục Nam, ba mặt giáp sông Lục Nam, phần còn lại tiếp giáp với xã Vô Tranh, Nghĩa Phương, tuy nhiên ngăn cách bởi dãy núi cao. Khoảng cách từ Trường Giang đến trung tâm xã Nghĩa Phương và xã Vô Tranh khoảng 25 km đường mòn nhỏ qua khe núi cao, ngầm qua suối, thường xuyên bị chia cắt cục bộ. Trục đường giao thông chính của Trường Giang là cầu phao dân sinh qua sông Lục Nam (kết nối với Quốc lộ 31 qua địa bàn xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn) và đường mòn qua khe núi, ngầm qua suối, về mùa mưa lũ phần lớn diện tích xã Trường Giang bị ngập úng, cô lập, chia cắt cục bộ với các khu vực xung quanh.

- b) Diện tích tự nhiên: 13,78 km², tỷ lệ 27,56%.
- c) Quy mô dân số: 3.287 người, tỷ lệ 65,74%.
- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 499 người, tỷ lệ 15,18%.
- đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Có 03 thôn thuộc diện đặc biệt khó khăn theo Chương trình 135 của Chính phủ.
- e) Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Vô Tranh, Nghĩa Phương.

3.3. Xã An Thượng, huyện Yên Thế

a) Thuộc khu vực: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: 10/10 thôn có đồng bào công giáo sinh hoạt ở 02 nhà thờ, 4 thôn có tỷ lệ 95% dân số là người công giáo (trong đó: 01 nhà thờ Giáo xứ Tân An và 01 nhà thờ Họ Hồng Lĩnh); các ĐVHC cấp xã liền kề không có đồng bào công giáo.

Do khác biệt về phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng, nếu nhập với ĐVHC liền kề khác sẽ dẫn đến mất ổn định về trật tự, an toàn xã hội, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước ở cơ sở¹.

- b) Diện tích tự nhiên: 8,21 km², tỷ lệ 27,37%.
- c) Quy mô dân số: 5.003 người, tỷ lệ 62,54%.

¹ Theo điểm c, khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 687 người, tỷ lệ 13,7%.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Tiến Thắng, Tân Hiệp thuộc huyện Yên Thế, thị trấn Nhã Nam và xã Lan Giới thuộc huyện Tân Yên.

3.4. Xã Phì Điền, huyện Lục Ngạn

a) Thuộc vùng miền: Miền núi; có yếu tố đặc thù: Là đơn vị hành chính được quy hoạch phát triển thành thị trấn giai đoạn đến năm 2030 tại Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của UBND tỉnh; hiện nay tỉnh Bắc Giang đang xây dựng Đề án sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, có nội dung thành lập thị trấn Phì Điền, dự kiến đầu quý III/2024 nộp hồ sơ về Trung ương.

b) Diện tích tự nhiên: 7,29 km², tỷ lệ 14,58%.

c) Quy mô dân số: 5,670 người, tỷ lệ 283,50%.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số 3,283 người, tỷ lệ 57,90%

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Tân Quang, Giáp Sơn, Tân Hoa, Đồng Cốc.

3.5. Thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên

a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Là ĐVHC cấp xã đã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2019-2021 theo Nghị quyết số 813/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

b) Diện tích tự nhiên: 5,59 km², tỷ lệ 18,63%.

c) Quy mô dân số: 9.490 người, tỷ lệ 78,4%.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số: Không.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Tân Trung, An Dương, Quang Tiến và Lan Giới.

3.6. Các ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023-2025 nhưng chuyển sang sắp xếp giai đoạn 2026-2030, gồm:

3.6.1. Xã Đồng Tâm, huyện Yên Thế

a) Thuộc vùng miền: Miền núi; có yếu tố đặc thù: Không.

b) Diện tích tự nhiên: 6,30 km², tỷ lệ 12,60%.

c) Quy mô dân số: 2.717 người, tỷ lệ 54,34%.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 643, tỷ lệ 23,67%.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Thị trấn Phồn Xương, Đồng Lạc, Tam Hiệp, Đồng Kỳ, Hồng Kỳ, thị trấn Bồ Hạ.

3.6.2. Xã Đồng Lạc, huyện Yên Thế

a) Thuộc vùng miền: Miền núi; có yếu tố đặc thù: Không.

b) Diện tích tự nhiên: 6,05 km², tỷ lệ 12,10%.

c) Quy mô dân số: 4.294 người, tỷ lệ 171,76%.

- d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.600, tỷ lệ 37,6%.
đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.
e) Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Thị trấn Phồn Xương, Đồng Tâm, Tân Sỏi.

3.6.3. Xã Tân Sỏi, huyện Yên Thế

- a) Thuộc vùng miền: Đồng bằng; có yếu tố đặc thù: Không.
b) Diện tích tự nhiên: 6,40 km², tỷ lệ 21,33%.
c) Quy mô dân số: 5.077 người, tỷ lệ 63,46%.
d) Số dân là người dân tộc thiểu số: 540, tỷ lệ 10,64%.
đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.
e) Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đồng Lạc, Đồng Tâm, thị trấn Bồ Hạ.

* Giải trình: Phương án nhập xã Đồng Tâm, Đồng Lạc với thị trấn Phồn Xương; nhập xã Tân Sỏi với thị trấn Bồ Hạ, chưa thực hiện trong giai đoạn 2023-2025 lý do:

- Để đảm bảo việc sắp xếp 03 xã Đồng Tâm, Đồng Lạc, Tân Sỏi, huyện Yên Thế là ĐVHC nông thôn nhập với ĐVHC đô thị (thị trấn Phồn Xương và thị trấn Bồ Hạ) theo quy định tại khoản 17, Điều 1, Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15² phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chung, đánh giá tiêu chuẩn đô thị của khu vực dự kiến thành lập ĐVHC đô thị mới, do đó cần thiết chuyển sang sắp xếp giai đoạn 2026-2030 để thực hiện quy trình thủ tục về quy hoạch và đánh giá tiêu chuẩn đô thị.

- Phương án sắp xếp với đơn vị liền kề là thị trấn Phồn Xương và thị trấn Bồ Hạ (02 đơn vị này đã sắp xếp giai đoạn 2019-2021), đến nay số lượng cán bộ, công chức còn dôi dư đang tập trung sắp xếp theo quy định.

- Giai đoạn 2023-2025, huyện Yên Thế đang tập trung chỉ đạo và lập phương án sắp xếp 04 ĐVHC cấp xã để thành lập 02 ĐVHC cấp xã, giảm 02 ĐVHC cấp xã (trong đó có xã Hồng Kỳ thuộc diện khuyến khích sắp xếp).

Phần II

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ THUỘC TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2023-2025

A. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI ĐVHC CẤP HUYỆN

1. Nhập huyện Yên Dũng với thành phố Bắc Giang

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của huyện Yên Dũng (diện tích tự nhiên là 191,74 km², tỷ lệ 42,6%; quy mô dân số là 177.443 người, tỷ lệ 147,86%) với thành phố Bắc Giang (diện tích tự nhiên là 66,55 km², tỷ lệ 44,36%; quy mô dân số là 195.657 người, tỷ lệ 130,43%).

² Trường hợp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của từ 02 ĐVHC trở lên thành 01 ĐVHC đô thị cùng cấp...thì ĐVHC đô thị sau khi nhập phải đạt tiêu chuẩn về loại đô thị...hoặc tiêu chuẩn về hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị quy định đối ĐVHC đô thị tương ứng.

a) Cơ sở lý do của việc sắp xếp: thành phố Bắc Giang là trung tâm chính trị, kinh tế - xã hội của tỉnh; tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa rất cao, hầu hết quỹ đất đã được quy hoạch và sử dụng hết; để đáp ứng yêu cầu phát triển của đô thị loại 1 thuộc tỉnh, đòi hỏi phải mở rộng không gian phát triển đô thị, đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển của thành phố và tỉnh Bắc Giang.

b) Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp huyện, thành phố Bắc Giang mới:

- Diện tích tự nhiên: 258,30 km², tỷ lệ 172,2 %.
- Quy mô dân số: 373.100 người, tỷ lệ 248,73%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: huyện Việt Yên, Tân Yên, Lạng Giang, Lục Nam.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: thành phố Bắc Giang.
- ĐVHC đô thị cấp huyện mới đảm bảo tiêu chuẩn theo Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

2. Sắp xếp, điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn, huyện Sơn Động để thành lập thị xã Chũ, huyện Lục Ngạn (mới) và huyện Sơn Động

Về chủ trương đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại Thông báo kết luận số 199/TB-VPCP ngày 09/7/2022; Bộ Nội vụ nhất trí tại Công văn số 2268/BNV-CQĐP ngày 30/5/2022.

Sắp xếp, điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn (*diện tích tự nhiên là 1032,51 km², tỷ lệ 121,47%; quy mô dân số là 253.082 người, tỷ lệ 703,1%*) và huyện Sơn Động (*diện tích tự nhiên là 860,56 km², tỷ lệ 101,24%; quy mô dân số là 88.969 người, tỷ lệ 278,03%*) để thành lập thị xã Chũ, huyện Lục Ngạn (mới) và huyện Sơn Động.

a) Cơ sở lý do của việc sắp xếp: Huyện Lục Ngạn với diện tích 1.032,51 km², dân số 253.082 người, 29 đơn vị hành chính cấp xã, có sự khác biệt về sự phát triển kinh tế - xã hội: Các xã khu vực thị trấn Chũ mở rộng được tập trung phát triển công nghiệp, du lịch, nghỉ dưỡng, thương mại, dịch vụ; các xã vùng cao chủ yếu phát triển kinh tế trang trại, vườn đồi, chủ lực là trồng rừng kinh tế, dân số chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số, có phong tục tập quán sinh hoạt riêng nên gặp khó khăn trong chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội của huyện, không đồng bộ giữa hai vùng. Bên cạnh đó, việc chuyển 75,93 km² diện tích Trường bản Quốc gia TB1 đang thuộc huyện Sơn Động quản lý về huyện Lục Ngạn quản lý nhằm đảm bảo công tác quốc phòng an ninh.

Thành lập thị xã Chũ với vai trò là trung tâm kinh tế phía đông bắc của tỉnh, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các vùng lân cận thuộc huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam.

b) Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp huyện, thị xã Chũ:

- Diện tích tự nhiên: 251,55 km², tỷ lệ 125,78 %.
- Quy mô dân số: 127.713 người, tỷ lệ 127,71%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: huyện Lục Ngạn (mới), Lục Nam.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: huyện Lục Ngạn hiện hữu.

- ĐVHC cấp huyện sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

c) Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp huyện, huyện Lục Ngạn:

- Diện tích tự nhiên: 856,89 km², tỷ lệ 100,81 %.

- Quy mô dân số: 125.369 người, tỷ lệ 391,78%.

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 71.985 người, tỷ lệ 57,42%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: huyện Sơn Động, huyện Lục Nam, thị xã Chũ.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Thị trấn Phì Điền, huyện Lục Ngạn.

- ĐVHC cấp huyện sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

d) Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp huyện, huyện Sơn Động:

- Diện tích tự nhiên: 784,63 km², tỷ lệ 92,36%.

- Quy mô dân số: 88.969 người, tỷ lệ 278,03%.

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 50.712 người, tỷ lệ 57,0%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: huyện Lục Ngạn, Lục Nam.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: huyện Sơn Động hiện hữu.

- Giữ nguyên diện tích tự nhiên, quy mô dân số, số ĐVHC cấp xã trực thuộc của huyện Sơn Động (chỉ điều chỉnh 75,93 km² Trường bản Quốc gia TB1 thuộc địa giới hành chính huyện Sơn Động về huyện Lục Ngạn quản lý để đảm bảo công tác quốc phòng an ninh).

- ĐVHC cấp huyện sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn theo điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

B. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

I. Sắp xếp ĐVHC nông thôn cấp xã thành ĐVHC nông thôn cùng cấp

1. Nhập xã Vũ Xá với xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vũ Xá (diện tích tự nhiên 10,24 km², đạt 34.13% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 4.447 người, đạt 55.59% so với tiêu chuẩn) với xã Cẩm Lý (diện tích tự nhiên 27.82 km², đạt 92.73% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 9.916 người, đạt 123.95 % so với tiêu chuẩn) thành 01 ĐVHC cấp xã mới.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 02 ĐVHC có vị trí địa lý liền kề, phong tục tập quán sinh hoạt của người dân có nét tương đồng; phù hợp quy hoạch chung đô thị Cẩm Lý giai đoạn 2025 - 2030 (theo Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang).

b) Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

- Diện tích tự nhiên: 38.06 km², tỷ lệ 126,87 %.

- Quy mô dân số: 14.363 người, tỷ lệ 179,54%.

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 264 người, tỷ lệ 1,8%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đan Hội, Bắc Lũng, Huyện Sơn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Dự kiến trụ sở xã Cẩm Lý.

- Sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới đảm bảo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

2. Nhập xã Mỹ Hà với xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Mỹ Hà (*diện tích tự nhiên là 5,99 km², đạt 19,97% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 7.836 người, đạt 97,95% so với tiêu chuẩn*) với xã Tiên Lục (*diện tích tự nhiên 14,54 km², đạt 48,47% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 14.525 người, đạt 181,56 % so với tiêu chuẩn*) thành 01 ĐVHC cấp xã mới.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 02 ĐVHC có vị trí địa lý giáp ranh liền kề, đều có đồng bào theo đạo Công giáo, đặc điểm sinh hoạt văn hoá, phong tục tập quán cụm dân cư có sự tương đồng; xã Tiên Lục quy hoạch xây dựng trụ sở nằm trên trục đường trung tâm của xã Mỹ Hà và Tiên Lục thuận lợi cho người dân liên hệ công việc.

b) Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

- Diện tích tự nhiên: 20,53 km², tỷ lệ 68,43% so với tiêu chuẩn.

- Quy mô dân số: 22.361 người, tỷ lệ 279,51% so với tiêu chuẩn.

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 192 người; tỷ lệ 0,9%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đào Mỹ, An Hà, Hương Lạc, Tân Thanh, Dương Đức.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Dự kiến trụ sở xã Tiên Lục.

* Giải trình: Nhập 02 ĐVHC cấp xã, trong đó có xã Tiên Lục là ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp. 02 đơn vị có cùng yếu tố đặc thù về tôn giáo, khác biệt với các ĐVHC cấp xã liền kề khác. Nếu nhập thêm 01 ĐVHC liền kề khác sẽ dẫn đến mất ổn định về trật tự, an toàn xã hội của địa phương. Mặt khác, hiện nay UBND huyện Lạng Giang đang xây dựng một số khu dân cư tập trung để thu hút lao động về làm việc và sinh sống, vì 02 xã nằm liền kề với 02 khu công nghiệp Mỹ Thái và Khu công nghiệp Đào Mỹ-Nghĩa Hưng. Dự kiến đến năm 2030 quy mô về dân số sẽ vượt trên 300% theo quy định.

3. Nhập xã Yên Mỹ với xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Yên Mỹ (*diện tích tự nhiên là 7,21 km², đạt 14,42% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 8.051 người, đạt 161,02% so với tiêu chuẩn*) với xã Hương Lạc (*diện tích tự nhiên 11,66 km², đạt 23,32% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 10.587 người, đạt 211,74 % so với tiêu chuẩn*) thành 01 ĐVHC cấp xã mới.

a) Nêu cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý giáp ranh liền kề, cùng thuộc diện hưởng các chính sách miền núi; văn hóa, phong tục tập quán sinh hoạt của người dân có nét tương đồng; hệ thống giao thông kết nối thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

b) Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

- Diện tích tự nhiên: 18,87 km², tỷ lệ 62,90% so với tiêu chuẩn.

- Quy mô dân số: 18.638 người, tỷ lệ 372,76 % so với tiêu chuẩn.
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.957 người; tỷ lệ 10,5%.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Hương Sơn, Tân Hưng, Xương Lâm, Tân Thanh, Tiên Lục, An Hà và thị trấn Kép, thị trấn Vôi.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Dự kiến trụ sở xã Yên Mỹ.
- Sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

4. Nhập xã Tam Hiệp với xã Tân Hiệp, huyện Yên Thế

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tam Hiệp (*diện tích tự nhiên 8,58 km², đạt 17,16% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 4.154 người, đạt 184,62% so với tiêu chuẩn*) với xã Tân Hiệp (*diện tích tự nhiên là 7,66 km², đạt 15,32% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 4.602 người, đạt 92,04 % so với tiêu chuẩn*) thành 01 ĐVHC cấp xã mới.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý giáp ranh liền kề, đều là xã miền núi; văn hóa, phong tục tập quán sinh hoạt của người dân có nét tương đồng; hệ thống giao thông gồm đường huyện và đường trục xã kết nối thuận tiện cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

b) Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

- Diện tích tự nhiên: 16,24 km², tỷ lệ 32,48% so với tiêu chuẩn.
- Quy mô dân số: 8.756 người, tỷ lệ 350,24% so với tiêu chuẩn.
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.071 người; tỷ lệ 35,8%.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Tam Tiến, Tiến Thắng, An Thượng, Đồng Tâm, Đồng Vương và thị trấn Phồn Xương.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Dự kiến trụ sở xã Tam Hiệp.
- Sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

5. Nhập xã Hồng Kỳ với xã Đồng Kỳ, huyện Yên Thế

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đồng Kỳ (*diện tích tự nhiên 7,29 km², đạt 14,58% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 6.464 người, đạt 129,28% so với tiêu chuẩn*) với xã Hồng Kỳ (*diện tích tự nhiên 8,98 km², đạt 17,96% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 4.794 người, đạt 383,52% so với tiêu chuẩn*) thành 01 ĐVHC cấp xã mới.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 02 ĐVHC trước đây là 01 xã tách ra (ngày 01/9/1994 được tách ra thành 02 xã), đều là xã miền núi; văn hóa, phong tục, tập quán sinh hoạt của người dân có nét tương đồng; hệ thống giao thông gồm đường huyện 268 và các đường trục xã kết nối thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

b) Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

- Diện tích tự nhiên: 16,26 km², tỷ lệ 32,52% so với tiêu chuẩn.
- Quy mô dân số: 11.258 người, tỷ lệ 450,32% so với tiêu chuẩn.

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 5.138 người; tỷ lệ 45,6%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đồng Hưu, Đồng Vương, Đồng Tâm, Hương Vĩ và thị trấn Bồ Hạ.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Dự kiến trụ sở xã Đồng Kỳ.
- Sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

6. Nhập 03 ĐVHC: xã Quang Minh, Hòa Sơn, Đại Thành, huyện Hiệp Hòa

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quang Minh (có diện tích tự nhiên 5,07 km², đạt 16,9% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 5.820 người, đạt 72,75% so với tiêu chuẩn), xã Hòa Sơn (có diện tích tự nhiên 4,95 km², đạt 16,50% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 6.979 người, đạt 87,24% so với tiêu chuẩn) với xã Đại Thành (có diện tích tự nhiên 3,00 km², đạt 10% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 4.994 người, đạt 62,43% so với tiêu chuẩn) thành 01 ĐVHC cấp xã mới.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 03 ĐVHC có vị trí địa lý giáp ranh liền kề; phong tục, tập quán sinh hoạt của người dân có nét tương đồng; cùng nằm trên trục đường giao thông liên xã thuận tiện cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

b) Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

- Diện tích tự nhiên: 13,02 km², tỷ lệ 43,4% so với tiêu chuẩn.
- Quy mô dân số: 17.793 người, tỷ lệ 222,41% so với tiêu chuẩn.
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 108 người; tỷ lệ 0,6 %.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Thái Sơn, Hùng Sơn, Hợp Thịnh.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Dự kiến trụ sở xã Quang Minh.
- Sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

7. Nhập xã Hùng Sơn với xã Thái Sơn, huyện Hiệp Hòa

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hùng Sơn (có diện tích tự nhiên 4,39 km², đạt 14,63% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 5.159 người, đạt 64,49% so với tiêu chuẩn) với xã Thái Sơn (có diện tích tự nhiên 4,56 km², đạt 15,20% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 6.427 người, đạt 80,34% so với tiêu chuẩn) thành 01 đơn vị hành chính cấp xã mới.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 02 ĐVHC có vị trí địa lý giáp ranh liền kề; phong tục, tập quán sinh hoạt của người dân có nét tương đồng; cùng nằm trên trục đường giao thông liên xã thuận tiện cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

b) Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

- Diện tích tự nhiên: 8,95 km², tỷ lệ 29,83% so với tiêu chuẩn.
- Quy mô dân số: 11.586 người, tỷ lệ 144,83% so với tiêu chuẩn.
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 116 người; tỷ lệ 1,0 %.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Hòa Sơn, Quang Minh, Hợp Thịnh, Mai Trung, Thường Thắng, Hoàng Vân và thị trấn Thắng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Dự kiến trụ sở xã Hùng Sơn.

- Sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới được quy hoạch phát triển thành phường tại Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 vào năm 2027, đảm bảo tiêu chuẩn của phường với diện tích đạt tỷ lệ 162,7%, dân số đạt tỷ lệ 231,72%.

8. Nhập xã Hoàng Lương với xã Hoàng Thanh, huyện Hiệp Hòa

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hoàng Lương (có diện tích tự nhiên 4,37 km², đạt 14,57% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 7.380 người, đạt 92,25% so với tiêu chuẩn) với xã Hoàng Thanh (có diện tích tự nhiên 5,14 km², đạt 17,13% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 6.601 người, đạt 82,51% so với tiêu chuẩn) thành 01 ĐVHC cấp xã mới.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 02 ĐVHC có vị trí địa lý giáp ranh liền kề; phong tục tập quán sinh hoạt của người dân có nét tương đồng; cùng nằm trên trục đường giao thông liên xã thuận tiện cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

b) Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

- Diện tích tự nhiên: 9,51 km², tỷ lệ 31,70% so với tiêu chuẩn.

- Quy mô dân số: 13.981 người, tỷ lệ 174,76% so với tiêu chuẩn.

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 167 người; tỷ lệ 1,19 %.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Thanh Vân, Hoàng An, Ngọc Sơn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Dự kiến trụ sở xã Hoàng Lương.

* Giải trình: Xã Hoàng Lương và xã Hoàng Thanh trước năm 1945 cùng là một xã Quyết Thắng, đến năm 1954 được tách ra thành hai xã Hoàng Lương và Hoàng Thanh; cùng có chung đặc điểm về truyền thống lịch sử, văn hóa, tôn giáo, phong tục tập quán sinh hoạt của người dân tương đồng, khác biệt với xã liền kề khác. Nếu nhập với xã liền kề khác sẽ dẫn đến mất ổn định trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước ở địa phương.

Mặt khác, về vị trí địa lý xã Hoàng Lương và Hoàng Thanh có một mặt giáp ranh với huyện Tân Yên, các mặt còn lại giáp ranh với các ĐVHC cấp xã đã có trong phương án sắp xếp tổng thể ĐVHC cấp xã của huyện Hiệp Hòa, không thể sắp xếp tiếp với ĐVHC cấp xã khác.

9. Nhập xã Hoàng Vân với xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hoàng Vân (có diện tích tự nhiên 6,68 km², đạt 22,27% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 6.713 người, đạt 83,91% so với tiêu chuẩn) với xã Hoàng An (có diện tích tự nhiên 5,91 km², đạt 19,7% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 8.126 người, đạt 101,58% so với tiêu chuẩn) thành 01 ĐVHC cấp xã mới.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 02 ĐVHC có vị trí địa lý giáp ranh liền kề; phong tục tập quán của người dân có nét tương đồng, cùng nguồn gốc lịch sử

(trước đây được tách ra từ một ĐVHC xã); nằm trên trục đường giao thông liên xã thuận tiện cho phát triển kinh tế xã hội và giao dịch của người dân khi nhập.

b) Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

- Diện tích tự nhiên: 12,59 km², tỷ lệ 41,97% so với tiêu chuẩn.
- Quy mô dân số: 14.839 người, tỷ lệ 185,49% so với tiêu chuẩn.
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 103 người; tỷ lệ 0,69 %.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Thái Sơn, thị trấn Thắng, Ngọc Sơn, Hoàng Thanh, Hoàng Lương, Thanh Vân.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Dự kiến trụ sở xã Hoàng Vân.

* Giải trình: Xã Hoàng Vân và xã Hoàng An trước năm 1945 cùng là một xã Tiền Tiến, đến năm 1954 được tách ra thành hai xã Hoàng Vân và Hoàng An; cùng có chung đặc điểm về truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán sinh hoạt của người dân tương đồng, khác biệt với xã liên kề khác. Nếu nhập với xã liên kề khác sẽ dẫn đến mất ổn định trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước ở địa phương.

Mặt khác, về vị trí địa lý xã Hoàng Vân và xã Hoàng An một mặt giáp ranh với tỉnh Thái Nguyên, các mặt còn lại giáp ranh với các ĐVHC cấp xã đã có trong phương án sắp xếp tổng thể ĐVHC cấp xã của huyện Hiệp Hòa, không thể sắp xếp tiếp với ĐVHC khác. Xã Hoàng Vân và xã Hoàng An là vùng lõi của An toàn khu II huyện Hiệp Hòa theo Quyết định số 1041/QĐ-TTg ngày 08/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận các xã An toàn khu II thuộc tỉnh Bắc Giang. 02 xã này có các điểm di tích Quốc gia đặc biệt ATKII liên thông, kết nối trong 02 xã không thể chia tách sang đơn vị khác.

10. Nhập xã Đồng Tân với xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đồng Tân (có diện tích tự nhiên 3,74 km², đạt 12,47% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 4.099 người, đạt 51,24% so với tiêu chuẩn) với xã Thanh Vân (có diện tích tự nhiên 4,18 km², đạt 13,93% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 6.376 người, đạt 79,7% so với tiêu chuẩn) thành 01 ĐVHC cấp xã mới.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 02 ĐVHC có phong tục, tập quán sinh hoạt của người dân có nét tương đồng; vị trí địa lý giáp ranh liên kề, cùng nằm trên trục đường giao thông liên xã thuận tiện cho phát triển kinh tế-xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

b) Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

- Diện tích tự nhiên: 7,92 km², tỷ lệ 26,4% so với tiêu chuẩn.
- Quy mô dân số: 10.475 người, tỷ lệ 130,94% so với tiêu chuẩn.
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 171 người; tỷ lệ 1,63 %.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Hoàng Vân, Hoàng An, Hoàng Lương.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Dự kiến trụ sở xã Thanh Vân.

* Giải trình: Xã Đồng Tân và xã Thanh Vân trước năm 1945 cùng thuộc một xã Đồng Tiến, đến năm 1954 được tách ra thành hai xã Đồng Tân và Thanh

Vân; cùng có chung đặc điểm về truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán sinh hoạt của người dân tương đồng, khác biệt với xã liền kề khác. Nếu nhập với xã liền kề khác sẽ dẫn đến mất ổn định trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước ở địa phương.

Mặt khác, xã Đông Tân và xã Thanh Vân có vị trí địa lý 3 mặt giáp tỉnh Thái Nguyên, mặt còn lại giáp xã Hoàng Lương (xã có đồng bào sinh hoạt công giáo) và ĐVHC cấp xã đã có trong phương án sắp xếp tổng thể ĐVHC cấp xã của huyện Hiệp Hòa, không thể sắp xếp tiếp với ĐVHC cấp xã khác.

* Bên cạnh đó, giai đoạn 2019 - 2021 huyện Hiệp Hòa sáp nhập 02 ĐVHC cấp xã là xã Đức Thắng và thị trấn Thắng, giảm 01 đơn vị. Giai đoạn 2023-2025 sắp xếp 11 ĐVHC cấp xã để thành lập 5 ĐVHC cấp xã mới, giảm 6 ĐVHC cấp xã (*cả giai đoạn 2019-2025, huyện Hiệp Hòa sắp xếp 13/26 xã, thị trấn, chiếm 50% tổng số đơn vị hành chính cấp xã hiện có*). Khi thực hiện sáp nhập nhiều đơn vị hành chính cùng thời điểm sẽ gây xáo trộn, ảnh hưởng tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân; khó tạo sự đồng thuận của cử tri. Qua các kỳ đối thoại, tiếp xúc cử tri, có nhiều ý kiến của nhân dân đề nghị không thực hiện sáp nhập nhiều đơn vị hành chính để đảm bảo ổn định đời sống, truyền thống văn hóa lịch sử lâu đời tại địa phương.

11. Nhập 03 xã: Đại Hóa, Lan Giới và Quang Tiến, huyện Tân Yên

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đại Hóa (*diện tích tự nhiên 5,02 km², đạt 16,73% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 5.113 người, đạt 63,91% so với tiêu chuẩn*) và xã Lan Giới (*diện tích tự nhiên 5,63 km², đạt 18,77% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 4.190 người, đạt 52,38 % so với tiêu chuẩn*) với xã Quang Tiến (*diện tích tự nhiên 5,81 km², đạt 19,37% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 5.880 người, đạt 73,5 % so với tiêu chuẩn*) thành 01 đơn vị hành chính cấp xã mới.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 03 ĐVHC có vị trí địa lý giáp ranh liền kề; cùng được tách ra từ xã Quang Trung trước đây nên phong tục tập quán sinh hoạt của người dân có nét tương đồng; có hệ thống giao thông kết nối thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

b) Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

- Diện tích tự nhiên: 16,46 km², tỷ lệ 54,87% so với tiêu chuẩn.
- Quy mô dân số: 15.183 người, tỷ lệ 189,79% so với tiêu chuẩn.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã An Dương, Phúc Sơn và thị trấn Nhã Nam.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Dự kiến trụ sở xã Quang Tiến.
- Sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

12. Nhập xã Phúc Sơn với xã Lam Cốt, huyện Tân Yên

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phúc Sơn (*diện tích tự nhiên 5,76 km², đạt 19,20% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 6.272 người, đạt 78,4% so với tiêu chuẩn*) với xã Lam Cốt (*diện tích tự nhiên 9,15 km², đạt 30,5% so với*

tiêu chuẩn; quy mô dân số 8.712 người, đạt 108,9 % so với tiêu chuẩn) thành 01 ĐVHC cấp xã mới.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý giáp ranh liền kề; cùng được tách ra từ một xã Phúc Sơn trước đây (Xã Phúc Sơn gồm 03 xã hợp thành Lý Cốt, Lam Khuất, Lãn Quật) nên có cùng đặc điểm về lịch sử, văn hóa; phong tục tập quán sinh hoạt của người dân có nét tương đồng; hệ thống giao thông kết nối thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

b) Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

- Diện tích tự nhiên: 14,91 km², tỷ lệ 49,7% so với tiêu chuẩn.

- Quy mô dân số là 14.984 người, tỷ lệ 187,3 % so với tiêu chuẩn.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đại Hóa, Quang Tiến, An Dương, Ngọc Châu, Song Vân, Việt Ngọc.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Dự kiến trụ sở xã Lam Cốt.

- Sau sắp xếp 02 ĐVHC cấp xã (*có 01 ĐVHC diện khuyến khích*), ĐVHC mới được quy hoạch phát triển thành thị trấn giai đoạn đến năm 2030, đảm bảo tiêu chuẩn của thị trấn với diện tích đạt tỷ lệ 106,5%, dân số đạt tỷ lệ 187,3%.

II. Sắp xếp ĐVHC đô thị cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp hoặc sắp xếp ĐVHC nông thôn với ĐVHC đô thị cấp xã

1. Nhập phường Lê Lợi với phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Lê Lợi (*diện tích tự nhiên 0,91 km², đạt 16,55% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 11.411 người, đạt 163,01% so với tiêu chuẩn*) với phường Trần Phú (*diện tích tự nhiên 0,98 km², đạt 17,82% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 10.103 người, đạt 144,33% so với tiêu chuẩn*) thành 01 ĐVHC đô thị cấp xã mới.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 02 ĐVHC đô thị cấp xã có vị trí địa lý giáp ranh liền kề, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

b) Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã, phường mới có:

- Diện tích tự nhiên: 1,89 km², tỷ lệ 34,36% so với tiêu chuẩn.

- Quy mô dân số: 21.514 người, tỷ lệ 307,34% so với tiêu chuẩn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Dự kiến trụ sở phường Trần Phú.

- Sau sắp xếp ĐVHC mới đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

2. Nhập phường Trần Nguyễn Hãn với phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Trần Nguyễn Hãn (*diện tích tự nhiên 0,87 km², đạt 15,82% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 12.150 người, đạt 173,57% so với tiêu chuẩn*) với phường Ngô Quyền (*diện tích tự nhiên 1,15 km², đạt 20,91% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 14.229 người, đạt 203,27% so với tiêu chuẩn*) thành 01 ĐVHC đô thị cấp xã mới.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 02 ĐVHC đô thị cấp xã có vị trí địa lý giáp ranh liền kề, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

b) Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã, phường mới:

- Diện tích tự nhiên: 2,02 km², tỷ lệ 36,73% so với tiêu chuẩn.

- Quy mô dân số: 26.379 người, tỷ lệ 376,84% so với tiêu chuẩn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Dự kiến trụ sở phường Ngô Quyền.

- Sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

3. Nhập xã Lão Hộ với thị trấn Tân An, huyện Yên Dũng

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của ĐVHC cấp xã Lão Hộ (diện tích tự nhiên 4,60 km², đạt 15,33% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 3.998 người, đạt 49,98% so với tiêu chuẩn) với thị trấn Tân An (diện tích tự nhiên 9,22 km², đạt 65,86% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 12.384 người, đạt 154,80% so với tiêu chuẩn) để thành lập phường mới Tân An.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý giáp ranh liền kề; xã Lão Hộ và thị trấn Tân An nằm trong quy hoạch phát triển thành phường mới (Tân An); hệ thống giao thông kết nối thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

b) Kết quả sau sắp xếp, phường mới:

- Diện tích tự nhiên: 13,82 km², tỷ lệ 251,27% so với tiêu chuẩn.

- Quy mô dân số: 16.382 người, tỷ lệ 234,03% so với tiêu chuẩn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Dự kiến trụ sở thị trấn Tân An.

- Việc nhập địa giới hành chính xã Lão Hộ với thị trấn Tân An để thành lập phường mới (Tân An) thuộc thành phố Bắc Giang đang triển khai đồng thời trong Đề án nhập địa giới hành chính huyện Yên Dũng với thành phố Bắc Giang theo Nghị quyết số 233-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Giang và Kế hoạch số 479/KH-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang.

- Sau sắp xếp phường mới đảm bảo tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

Phần III

SỐ LƯỢNG ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ, LỘ TRÌNH SẮP XẾP GIAI ĐOẠN 2023-2025

Phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 tỉnh Bắc Giang đã tính toán đến công tác quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và quy hoạch khác của tỉnh, các yếu tố đặc thù về văn hóa, dân tộc, tôn giáo, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, đảm bảo quy định của Trung ương và phù hợp tình hình thực tiễn tại địa phương, kết quả:

1. Số lượng ĐVHC cấp huyện trước khi sắp xếp: 10 đơn vị (01 thành phố, 01 thị xã, 08 huyện).

2. Số lượng ĐVHC cấp huyện sau sắp xếp: 10 đơn vị (01 thành phố, 02 thị xã, 07 huyện).

3. Số lượng ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp: 209 đơn vị (gồm 19 phường, 15 thị trấn, 175 xã).

4. Số lượng ĐVHC cấp xã sau sắp xếp: 192 đơn vị (gồm 35 phường, 14 thị trấn, 143 xã).

5. Số lượng ĐVHC cấp xã giảm do sắp xếp: 17 đơn vị.

6. Lộ trình thực hiện: Tỉnh Bắc Giang đang triển khai quy trình các bước xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025, dự kiến hoàn thành trong năm 2024.

Phần IV

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Công tác rà soát lập phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2025 được các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức chính trị xã hội từ tỉnh đến cơ sở quan tâm vào cuộc quyết liệt, xây dựng phương án sắp xếp đảm bảo đúng quy trình các bước theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tiếp thu, bổ sung đầy đủ ý kiến chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 3243/TB-TTKQH ngày 28/12/2023 và Bộ Nội vụ tại Công văn số 7316/BNV-CQĐP ngày 12/12/2023 về hoàn thiện Phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã và phụ lục theo quy định.

2. Đề nghị

UBND tỉnh Bắc Giang trân trọng đề nghị Bộ Nội vụ quan tâm, giúp đỡ tỉnh hoàn thành công tác sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025.

(Phương án này thay thế Phương án số 431/PA-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang).

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ánh Dương